



Tp Hồ Chí Minh , ngày 14/04/2011

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH**  
**(MÃ CK: HMH)**

**1. Khái quát lịch sử, hoạt động Công ty:**

**1.1 Lịch sử hình thành:**

Ngày 24/01/2002 Công ty Cổ phần Hải Minh thành lập theo Giấy CNĐKKD số 4103000801 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp với vốn điều lệ ban đầu là 1,5 tỷ đồng với mười một cổ đông sáng lập.

Qua một chặng đường phát triển, một số cột mốc đáng chú ý như sau:

- 01/2002 : Thành lập Công ty Cổ phần Hải Minh
- 06/2005 : Thành lập công ty thành viên đầu tiên – Công ty Hải Thanh Thanh
- 08/2005 : Thành lập liên doanh đầu tiên – Hoàng Nam Logistics
- 10/2006 : Thành lập Cty TNHH “K” Line (Việt Nam) là Công ty liên doanh giữa Công ty Cổ phần Hải Minh và hãng tàu “K” Line Nhật Bản.
- 03/2007 : Nâng vốn điều lệ lên 29,2 tỷ đồng
- 04/2007 : Mở tuyến vận tải container bằng đường thủy Hồ Chí Minh – Campuchia
- 10/2007 : Nâng vốn điều lệ lên 49,3 tỷ đồng
- 06/2008 : Nâng vốn điều lệ lên 56.16 tỷ đồng
- 06/2010 : Được chính thức chỉ định là đại lý cho Samudera Shipping Line (Singapore) tại Việt nam
- 07/2010 : Niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
- 08/2010 : Thành lập Công ty liên doanh với tập đoàn DongBu Hàn Quốc (Cty Tiếp vận DongBu Hải Minh)

**1.2 Ngành nghề kinh doanh:**

- ✓ Vận tải nội địa và quốc tế; Kho vận và phân phối;
- ✓ Khai thác cảng, cho thuê kho bãi, dịch vụ đại lý hàng hải;



- ✓ Sửa chữa và kinh doanh các thiết bị xếp dỡ chuyên dụng, container;
- ✓ Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng và công nghiệp;
- ✓ Đại lý tàu biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển;
- ✓ Sản xuất, mua bán máy móc thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp;
- ✓ Mua bán xe chuyên dùng....

### **1.3 Kế hoạch phát triển chung và tiêu chí phát triển:**

- ✓ Hiệu quả cao trong tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty;
- ✓ Mở rộng qui mô hoạt động, đa dạng hóa lĩnh vực hoạt động, đầu tư thêm cơ sở vật chất phục vụ kinh doanh;
- ✓ Tìm kiếm mở rộng phạm vi hợp tác với các đối tác nhằm phát huy nội lực của công ty kết hợp với thế mạnh của các đối tác.
- ✓ Đảm bảo an toàn và phát triển đồng vốn chủ sở hữu;
- ✓ Nâng cao đời sống cho cán bộ CNV Công ty.

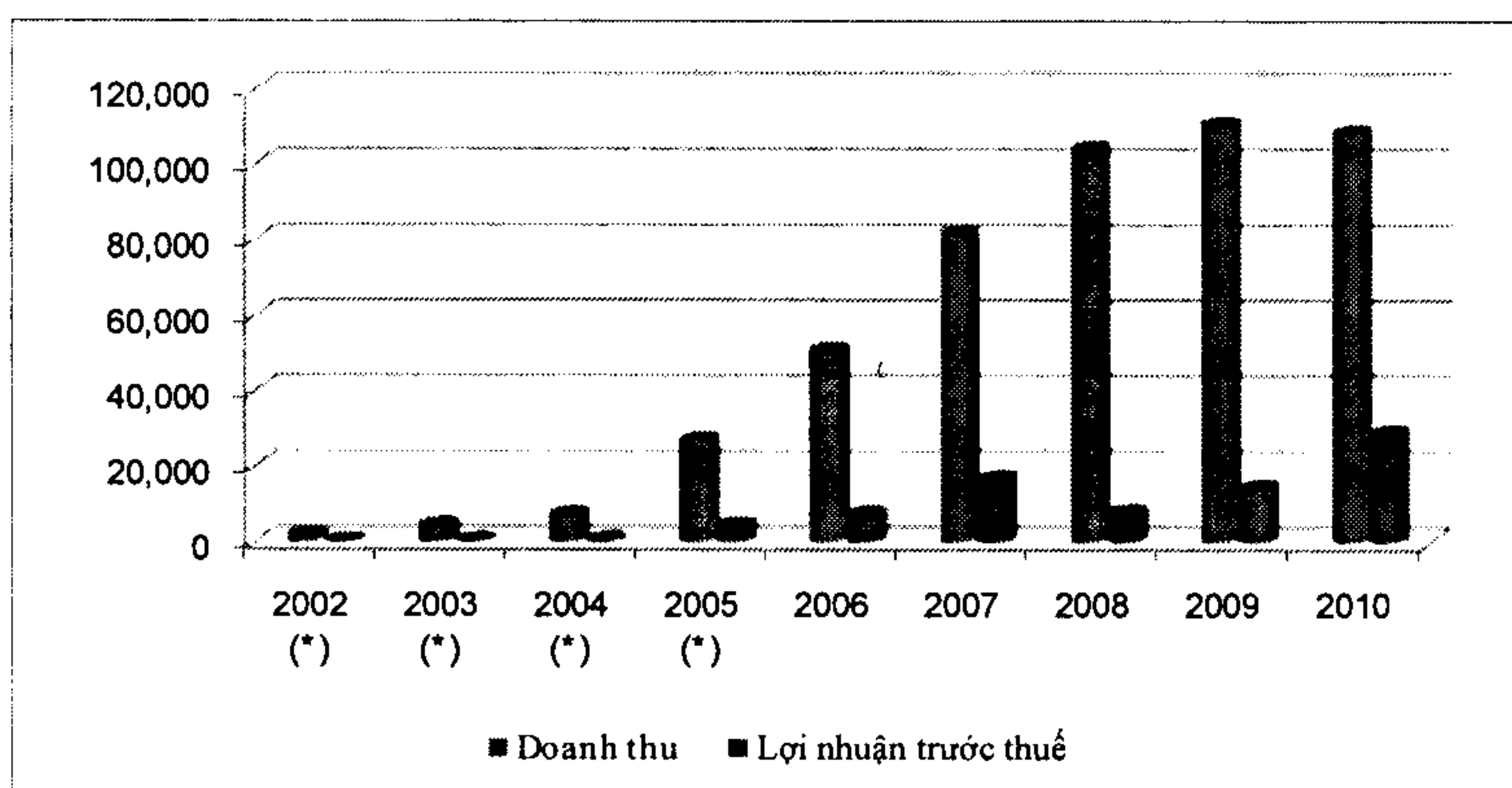
## **2. Báo cáo Hội đồng Quản trị:**

### **2.1 Tình hình thực hiện so với kế hoạch đề ra:**

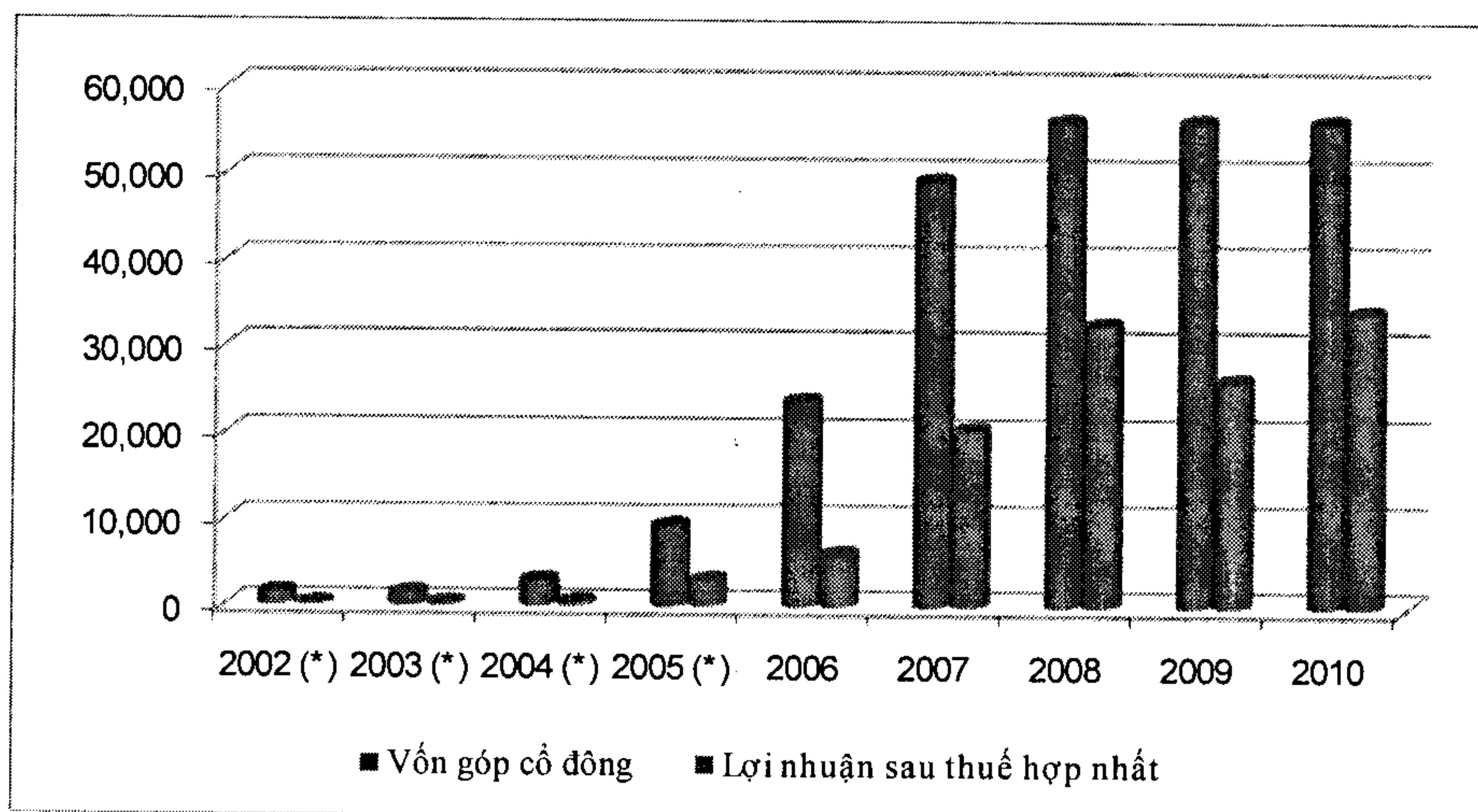
- ✓ Tổng doanh thu: 103,258 tỷ đồng đạt 96% kế hoạch.
- ✓ Tổng lợi nhuận sau thuế: 34,375 tỷ đồng đạt 135% kế hoạch.

### **DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ**

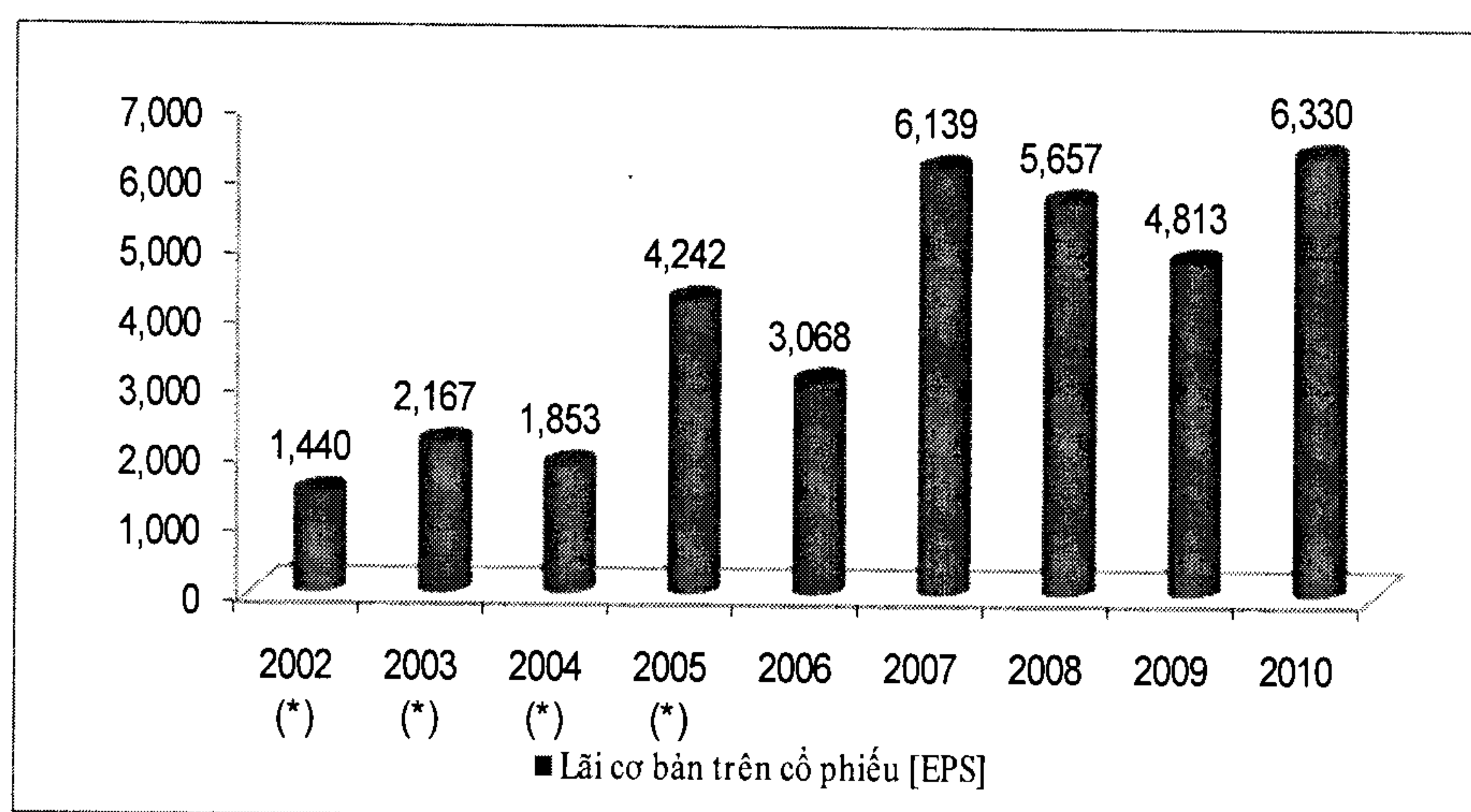
Đơn vị tính: Triệu đồng



## VỐN GÓP CỔ ĐÔNG & LỢI NHUẬN SAU THUẾ HỢP NHẤT



## LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU



### 2.2 Những điểm chủ yếu trong năm:

- ✓ Niêm yết cổ phiếu Công ty trên Sở GDCK Hà Nội
- ✓ Tăng vốn Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng lên 25 tỷ đồng
- ✓ Tiếp tục đầu tư vào Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Sao Biển
- ✓ Làm đại lý chính thức cho hãng tàu Samudera Shipping Line tại Việt Nam
- ✓ Đăng ký mua lại 250.000 cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ
- ✓ Liên doanh với tập đoàn DongBu Express (Hàn Quốc) thành lập Công ty Tiếp Vận DongBu Hải Minh
- ✓ Lợi nhuận sau thuế năm 2010 đạt mức cao nhất từ khi thành lập công ty (2002).

### 3. Báo cáo Ban giám đốc:

#### 3.1 Báo cáo tình hình tài chính:

TIÊU CHÍ	KẾ HOẠCH 2010 (Triệu đồng)	THỰC HIỆN 2010 (Triệu đồng)	TH/KH (%)
- Doanh thu:	112,500	109,674	97%
+ Hoạt động SXKD	108,000	103,258	96%
+ Khác	200	250	
+ Tài chính	4,300	6,166	143%
- Chi phí:	99,833	91,564	92%
+ Hoạt động SXKD	99,433	91,080	92%
+ Tài chính	400	484	121%
- Lợi nhuận trước thuế	12,667	18,110	143%
- Thuế TNDN	3,167	5,241	
- Lợi nhuận sau thuế	9,500	12,869	135%
- Lãi lỗ trong liên doanh liên kết	16,300	21,823	134%
- Lợi nhuận hợp nhất	25,800	34,692	134%
- Lợi ích cổ đông thiểu số	400	317	
- Lợi nhuận hợp nhất	25,400	34,375	135%

### **3.2 Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh:**

#### **✓ Những tồn đọng:**

Mặc dù hết sức nỗ lực phấn đấu nhưng trong quá trình hoạt động nhưng vẫn tồn tại một số khuyết điểm như sau:

- Sau thời gian 2 năm hoạt động khai thác tuyến Feeder Hồ Chí Minh – Cambodia nhưng không thể đứng vững trên thị trường, với sức khỏe tài chính của công ty không cho phép chúng ta chấp nhận lỗ để duy trì hoạt động chờ đến thời điểm thuận lợi. Hiệu suất khai thác tàu khá tốt (Load Factor luôn đạt trên 95%) nhưng với sức ép cạnh tranh từ thị trường và những tác động tiêu cực của ngành hàng hải thế giới trong những năm 2008, 2009 và nửa đầu năm 2010 làm giá cước vận chuyển luôn giảm dưới điểm hòa vốn nên công ty đã dừng việc khai thác tuyến này và chuyển toàn bộ phương tiện về hoạt động trong nước.
- Hoạt động vận tải bộ chưa thực sự ổn định bởi chưa có đủ lượng khách hàng lớn và tiềm năng, bên cạnh đó công ty cũng đã vi phạm một số quy định của khách hàng dẫn đến việc mất một lượng hàng khá lớn từ khách hàng Toyota Vietnam từ hơn 3.500 container/năm chỉ còn 300 container/năm.
- Hoạt động kho bãi cũng thiếu ổn định do phải đi thuê mặt bằng bãi. Khi hết hợp đồng có thể đối tác sẽ thu hồi lại mặt bằng hoặc thay đổi đơn giá thuê.
- Bộ máy nhân sự chưa thực sự tốt vẫn còn sảy ra tình trạng nơi thừa nơi thiếu, lực lượng cán bộ nòng cốt còn khá mỏng mà lại chưa tìm được nguồn để bổ sung dẫn đến việc chậm trễ trong xử lý công việc.

#### **✓ Những kết quả đạt được:**

Nhận định rõ ràng và đầy đủ các yếu tố tiêu cực có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm, công ty đã nghiêm túc và hết sức thận trọng cũng như nỗ lực hết mình trong việc đề ra và thực hiện các chính sách cụ thể nhằm hạn chế tối đa

các yếu điểm cũng như tìm kiếm các cơ hội mới để củng cố và đa dạng hóa dịch vụ hướng đến sự phát triển ổn định lâu dài và chắc chắn. Một số kết quả đạt được trong năm như sau:

- Về công tác kiện toàn bộ máy quản lý điều hành và nhân sự:

Công ty tiến hành rà soát lại khâu quản lý điều hành, xây dựng quy chế nội bộ, điều chuyển nhân sự hợp lý hướng đến tối ưu hóa nguồn lực. Nhờ vào đó mà công ty một mặt đảm bảo được yêu cầu công việc, phát triển bộ phận phát triển kinh doanh nhằm tạo ra nhiều cơ hội mở rộng sản xuất mặc khác đã tăng thu nhập cán bộ công nhân viên, ổn định đời sống và củng cố lòng tin và sự gắn bó lâu dài với công ty.

- Về điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh:

Tiếp tục giám sát chặt chẽ mọi khâu trong điều hành, giảm thiểu chi phí hoạt động, tiết giảm nhiều chi phí không hợp lý....

- Về định hướng chiến lược lâu dài và công tác phát triển kinh doanh:

Đa phương hóa quan hệ hợp tác và đa dạng hóa dịch vụ cung cấp là tiêu chí phấn đấu lâu dài mà công ty luôn theo đuổi. Trong năm 2010 công ty đã tiếp xúc đàm phán và đã thành công trong việc hợp tác với Hãng tàu Samudera của Singapore để nhận dịch vụ đại lý từ tháng 6/2010. Sâu xa hơn, công ty tiếp tục đàm phán với Tập đoàn Samudera Indonesia Group về nhiều phương diện hợp tác khác mở ra nhiều cơ hội phát triển hơn nữa cho những năm về sau.

### **3.3 Kế hoạch kinh doanh 2011:**

Căn cứ vào tình hình hiện tại của công ty, Ban giám đốc có nhận định cụ thể cho từng hoạt động như sau:

#### **a. Vận tải bộ:**

Do sự phục hồi của nền kinh tế chậm chạp chưa có dấu hiệu tích cực rõ ràng, đối tác lớn của công ty là Toyota Vietnam đã chia sẻ sản lượng với các đơn vị khác và những khách hàng mới chưa có thể bù đắp sản lượng bị cắt giảm này, theo dự báo từ đầu năm 2010 sản lượng thực hiện dự kiến khoảng 11.000 container các loại với tổng doanh thu ước đạt 54,3 tỷ nhưng thực tế chỉ đạt được 9.443 container và doanh thu cũng chỉ đạt 45,8 tỷ đồng. Về mặt chi phí đầu vào với ảnh hưởng giá nhiên liệu tăng (yếu tố nhiên liệu chiếm từ 27%-30% trong tổng cấu thành chi phí dịch vụ) sẽ làm tỷ suất lợi nhuận hoạt động giảm đáng kể.

Vận tải bộ là dịch vụ xương sống và công ty quyết tập trung nỗ lực để cải thiện tình hình. Với sự tin tưởng của khách hàng và uy tín công ty tạo dựng qua các năm phục vụ, chúng tôi hy vọng sẽ cố gắng ngoài việc giữ vững các khách hàng truyền thống thì sẽ có thêm những khách hàng mới nhằm cải thiện tình hình tốt hơn với mục tiêu đạt khoảng 10.400 container và 47 tỷ đồng doanh thu trong năm 2011.

#### **b. Vận tải thủy:**

Sau khi công ty tạm ngưng hoạt động tuyến feeder Hồ Chí Minh – PhnomPenh trong năm 2010 đã chuyển sang hoạt động tuyến nội địa vận chuyển hàng trung chuyển từ Hồ Chí Minh đi Cái Mép và ngược lại, do đặc thù vấn đề khai thác tàu container với số lượng lớn tập trung trong thời gian ngắn làm hàng cũng như việc lệ

thuộc vào các đơn vị khai thác ICD do vậy mà công ty không thể hoạt động độc lập, giao dịch trực tiếp với hãng tàu mà phải kết hợp với các đơn vị vận chuyển khác.

Năm 2011 công ty tiếp tục nỗ lực phát huy hiệu quả cao nhất của mảng dịch vụ này trên cơ sở tiếp tục cùng phối hợp với các đối tác hiện tại cũng như tìm kiếm và nghiên cứu các tuyến khác để chủ động khai thác. Doanh thu dự kiến có thể đạt được khoảng 8 tỷ đồng.

**c. Hoạt động Kho bãi:**

Đây là thế mạnh của công ty, đặc biệt là khu vực tại Thành phố Hải phòng với 20.000m<sup>2</sup> ICD, 2.000m<sup>2</sup> kho và hơn 36.000m<sup>2</sup> bãi container rỗng. Doanh thu năm 2010 đạt gần 33 tỷ đồng với tác nghiệp hơn 62.000 container các loại cùng 3.000 m<sup>3</sup> hàng CFS. Công ty sẽ cố gắng duy trì tốc độ tăng trưởng khoảng 6% trong năm 2011.

**d. Hoạt động đại lý:**

Không có biến động nhiều và ước tính trong năm 2011 vẫn duy trì mức sản lượng hàng năm như sau:

- Ryder CRSA: Hàng consol khoảng 400 container và 3.000 CBM hàng lẻ
- Hokkai và các đại lý khác: 200 lô hàng
- Samudera Shipping Line: 50.000 TEUS xuất và 35.000 TEUS nhập

**e. Các hoạt động khác:**

Các hoạt động khác bao gồm dịch vụ khai thuê hải quan, đại lý giao nhận, đại lý tàu... cũng đều chưa có dấu hiệu tích cực nào, do vậy công ty cố gắng giữ mức của năm 2010.

Dựa trên phân tích các hoạt động cụ thể, Công ty đặt kế hoạch kinh doanh cho năm 2011 như sau:

<b>TIÊU CHÍ</b>	<b>THỰC HIỆN 2010</b> (Triệu đồng)	<b>KẾ HOẠCH 2011</b> (Triệu đồng)	<b>2011/2010</b> (%)
- Doanh thu:	109,674	109,700	100%
+ Hoạt động SXKD	103,258	105,500	102%
+ Khác	250	200	80%
+ Tài chính	6,166	4,000	65%
- Chi phí:	91,564	93,600	102%
+ Hoạt động SXKD	91,080	93,400	103%
+ Tài chính	484	200	41%
- Lợi nhuận trước thuế	18,110	16,100	89%
- Thuế	5,241	4,025	
- Lợi nhuận sau thuế	12,869	12,075	94%
- Lãi lỗ trong liên doanh liên kết	21,823	22,000	101%
- Lợi nhuận hợp nhất	34,692	34,075	98%

4. Báo cáo tài chính:

4.1 Báo cáo công ty mẹ:

**Kết quả kinh doanh:**

TT	Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2009
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	33,461,292,668	34,754,382,956
2	Các khoản giảm trừ	-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	33,461,292,668	34,754,382,956
4	Giá vốn hàng bán	25,328,039,174	29,766,028,653
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8,133,253,494	4,988,354,303
6	Doanh thu hoạt động tài chính	24,671,330,663	12,942,888,377
7	Chi phí tài chính	121,294,270	656,654,085
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3,753,261,784	2,083,760,169
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	28,930,028,103	15,190,828,426
11	Thu nhập khác	124,846,806	-
12	Chi phí khác	45,205,881	18,513,946
13	Lợi nhuận khác	79,640,925	(18,513,946)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	29,009,669,028	15,172,314,480
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	2,265,748,959	628,944,812
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	26,743,920,069	14,543,369,668
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4,917	2,674

**Bảng cân đối tài khoản:**

TT	TÀI SẢN	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	5	6
A	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>43,670,286,981</b>	<b>30,561,953,281</b>
I	<b>Tiền và các khoản tong đơng tiền</b>	<b>24,365,274,487</b>	<b>13,106,167,200</b>
1	Tiền	2,865,274,487	1,106,167,200
2	Các khoản tong đơng tiền	21,500,000,000	12,000,000,000
II	<b>Các khoản đầu t tài chính ngắn hạn</b>	-	<b>3,241,840,000</b>
1	Đầu t ngắn hạn	-	4,190,890,000
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu t ngắn hạn (*)	-	(949,050,000)
III	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>18,465,064,911</b>	<b>13,348,727,219</b>
1	Phải thu khách hàng	13,963,566,811	5,054,958,117
2	Trả trước cho người bán	-	15,032,600
3	Các khoản phải thu khác	4,501,498,100	8,278,736,502
IV	<b>Hàng tồn kho</b>	-	<b>265,534,500</b>
1	Hàng tồn kho	-	265,534,500
V	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>839,947,583</b>	<b>599,684,362</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	557,182,531	217,580,737
2	Thuế GTGT đợc khấu trừ	-	16,686,267
4	Tài sản ngắn hạn khác	282,765,052	365,417,358

<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>67,501,887,831</b>	<b>63,621,961,227</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	-	-
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>17,610,949,934</b>	<b>19,521,097,927</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	17,610,949,934	19,516,847,922
	- Nguyên giá	27,018,427,726	26,008,902,613
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(9,407,477,792)	(6,492,054,691)
2	Tài sản cố định vô hình	-	4,250,005
	- Nguyên giá	17,000,000	17,000,000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(17,000,000)	(12,749,995)
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	-	-
<b>IV</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>49,496,512,500</b>	<b>43,837,212,500</b>
1	Đầu tư vào công ty con	35,810,182,500	35,810,182,500
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	6,386,330,000	4,127,030,000
3	Đầu tư dài hạn khác	7,300,000,000	3,900,000,000
<b>V</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>394,425,397</b>	<b>263,650,800</b>
1	Chi phí trả trước dài hạn	133,178,619	-
3	Tài sản dài hạn khác	261,246,778	263,650,800
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>111,172,174,812</b>	<b>94,183,914,508</b>

<b>TT</b>	<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>5</b>	<b>6</b>
<b>A</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ (300=310+320)</b>	<b>14,216,178,064</b>	<b>3,960,504,456</b>
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>14,045,100,011</b>	<b>3,782,426,403</b>
2	Phải trả người bán	11,945,128,808	2,274,749,534
3	Người mua trả tiền trước	-	31,185,000
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1,314,526,594	497,739,491
5	Phải trả công nhân viên	8,826,474	11,628,431
6	Chi phí phải trả	29,540,272	36,000,000
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	95,987,914	3,296,198
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	651,089,949	927,827,749
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>171,078,053</b>	<b>178,078,053</b>
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	171,078,053	178,078,053
<b>B</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420)</b>	<b>96,955,996,748</b>	<b>90,223,410,052</b>
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>96,955,996,748</b>	<b>90,223,410,052</b>
1	Vốn đầu t của chủ sở hữu	56,163,800,000	56,163,800,000
2	Thặng d vốn cổ phần	19,339,670,000	19,339,670,000
3	Cổ phiếu ngân quỹ	(1,901,520,795)	-
6	Quỹ đầu t phát triển	742,424,655	742,424,655
7	Quỹ dự phòng tài chính	1,880,650,069	1,230,650,069
8	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
9	Lợi nhuận cha phân phối	20,730,972,819	12,746,865,328
<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	-	-
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)</b>	<b>111,172,174,812</b>	<b>94,183,914,508</b>



#### 4.2 Báo cáo hợp nhất Công ty Cổ phần Hải Minh:

##### Kết quả kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	Lũy kế từ đầu năm 2010	Lũy kế từ đầu năm 2009
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	103,257,828,522	110,760,116,714
2	Các khoản giảm trừ	-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	103,257,828,522	110,760,116,714
4	Giá vốn hàng bán	79,453,543,132	88,813,094,512
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23,804,285,390	21,947,022,202
6	Doanh thu hoạt động tài chính	6,166,218,152	1,813,174,616
7	Chi phí tài chính	523,413,774	1,079,121,497
8	Chi phí bán hàng	-	-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	9,424,337,654	7,636,253,810
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	20,022,752,114	15,044,821,511
11	Thu nhập khác	249,664,987	25,148,359
12	Chi phí khác	2,161,780,902	238,359,112
13	Lợi nhuận khác	(1,912,115,915)	(213,210,753)
14	Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	21,822,572,695	14,846,840,112
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	39,933,208,894	29,678,450,870
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	5,241,338,914	2,684,532,308
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	34,691,869,980	26,993,918,562
19	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	316,931,250	815,959,992
20	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	34,374,938,730	26,177,958,570
21	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6,320	4,813

##### Bảng cân đối tài khoản:

TT	TÀI SẢN	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	5	6
A	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>73,352,000,379</b>	<b>57,659,512,625</b>
I	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>38,225,431,179</b>	<b>24,424,234,272</b>
1	Tiền	5,625,431,179	11,224,234,272
2	Các khoản tương đương tiền	32,600,000,000	13,200,000,000
II	<b>Các khoản đầu t tài chính ngắn hạn</b>	<b>-</b>	<b>4,741,840,000</b>
1	Đầu t ngắn hạn	-	5,690,890,000
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu t ngắn hạn (*)	-	(949,050,000)
III	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>32,475,863,859</b>	<b>24,940,264,411</b>
1	Phải thu khách hàng	32,038,414,987	16,459,616,459
2	Trả trước cho người bán	-	15,032,600
3	Các khoản phải thu khác	483,948,872	8,465,615,352
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	(46,500,000)	-
IV	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>-</b>	<b>265,534,500</b>
1	Hàng tồn kho	-	265,534,500
V	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>2,650,705,341</b>	<b>3,287,639,442</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	1,458,845,048	241,363,790

2	Thuế GTGT dọc khấu trừ	15,981,059	98,264,676
3	Các khoản thuế phải thu	10,875,380	295,820,463
4	Tài sản ngắn hạn khác	1,165,003,854	2,652,190,513
<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260+270)</b>	<b>101,918,591,306</b>	<b>86,222,121,575</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	-	-
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>43,459,477,958</b>	<b>46,425,846,170</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	42,339,477,958	45,301,596,165
	- Nguyên giá	69,743,191,598	64,045,497,675
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(27,403,713,640)	(18,743,901,510)
2	Tài sản cố định vô hình	1,120,000,000	1,124,250,005
	- Nguyên giá	1,137,000,000	1,137,000,000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(17,000,000)	(12,749,995)
<b>IV</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>53,530,395,103</b>	<b>34,016,931,262</b>
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	46,230,395,103	30,116,931,262
3	Đầu tư dài hạn khác	7,300,000,000	3,900,000,000
<b>V</b>	<b>Lợi thế thương mại</b>	<b>4,454,573,282</b>	<b>5,197,002,162</b>
<b>VI</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>474,144,963</b>	<b>582,341,981</b>
1	Chi phí trả trước dài hạn	163,498,185	318,691,181
2	Tài sản dài hạn khác	310,646,778	263,650,800
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200)</b>	<b>175,270,591,685</b>	<b>143,881,634,200</b>

TT	NGUỒN VỐN	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	5	6
<b>A</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ (300=310+320)</b>	<b>26,505,767,618</b>	<b>9,424,810,151</b>
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>25,539,319,278</b>	<b>9,197,752,098</b>
2	Phải trả người bán	16,976,294,521	5,044,905,208
3	Người mua trả tiền trước	-	31,185,000
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3,218,706,116	2,680,412,899
5	Phải trả công nhân viên	469,842,328	34,259,097
6	Chi phí phải trả	32,972,272	36,000,000
9	Các khoản phải trả, phải nộp khác	3,734,182,896	136,503,792
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1,107,321,145	1,234,486,102
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>966,448,340</b>	<b>227,058,053</b>
4	Vay và nợ dài hạn	747,670,287	-
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	218,778,053	227,058,053
<b>B</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420)</b>	<b>145,484,897,459</b>	<b>130,656,191,818</b>
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>145,484,897,459</b>	<b>130,656,191,818</b>
1	Vốn đầu t của chủ sở hữu	56,163,800,000	56,163,800,000
2	Thặng d vốn cổ phần	19,339,670,000	19,339,670,000
3	Cổ phiếu ngân quỹ	(1,901,520,795)	-
5	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	7,492,877	-
3	Quỹ đầu t phát triển	2,051,360,115	1,893,120,135

4	Quỹ dự phòng tài chính	2,011,911,136	1,361,911,136
5	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	59,560,600
6	Lợi nhuận chia phân phối	67,812,184,126	51,838,129,947
<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	-	-
<b>C</b>	<b>LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>3,279,926,608</b>	<b>3,800,632,231</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)</b>	<b>175,270,591,685</b>	<b>143,881,634,200</b>

**5. Ý kiến Công ty kiểm toán:**

Báo cáo tài chính Công ty phản ánh trung thực, hợp lý về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2010 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

**6. Các công ty liên quan:**

**6.1 Công ty con:**

- ✓ Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0202006749 ngày 25/06/2008 do Sở kế hoạch đầu tư Tp Hải Phòng cấp  
Trụ sở chính: Tầng 2, khách sạn Việt Trung, 103 Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải, Hải An, Tp Hải Phòng  
Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết công ty : 96,08%
- ✓ Công ty TNHH MTV Hải Minh Hải Phòng hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0204001877 ngày 07/01/2009 do Sở kế hoạch đầu tư Tp Hải Phòng cấp  
Trụ sở chính: Tầng 2, khách sạn Việt Trung, 103 Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải, Hải An, Tp Hải Phòng  
Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết công ty : 100%
- ✓ Công ty Tiếp vận Hoàng Nam hoạt động theo giấy phép đầu tư số 874/GP-HCM ngày 08/06/2005 do Ủy ban nhân dân Tp Hồ Chí Minh cấp  
Trụ sở chính: 01 Đinh Lễ, P12, Q5, Tp HCM  
Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết công ty : 55,29%

**6.2 Công ty liên doanh liên kết:**

- ✓ Công ty TNHH "K" Line Việt Nam hoạt động theo giấy phép đầu tư số 011021000027 ngày 24/10/2006 do Bộ Kế hoạch và đầu tư cấp  
Trụ sở: Tầng 6, tòa nhà Sun Red River, 23 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết công ty : 49%
- ✓ Công ty Tiếp vận DongBu Hải Minh hoạt động theo giấy phép đầu tư số 411022000536 ngày 31/08/2010 do UBND Tp Hồ Chí Minh cấp  
Trụ sở chính: 01 Đinh Lễ, P12, Q5, Tp HCM  
Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết công ty : 49%

7. **Tổ chức và nhân sự:**

<b>NHÂN SỰ</b>	<b>2008</b>	<b>2009</b>	<b>2010</b>
- Số lượng	81	49	65
+ Ban Giám đốc	3	4	4
+ Cán bộ điều hành TPP	9	12	14
+ Nhân viên	69	33	45
+ Thử việc	-	-	2
- Thu nhập bình quân tháng (triệu đồng/ng)	7.6	6.4	8.1

8. **Thông tin cổ đông và quản trị công ty:**

**8.1 Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:**

**a. Ông Nguyễn Quốc Hùng - Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

- Họ và tên : **NGUYỄN QUỐC HÙNG**
- Giới tính : Nam Ngày tháng năm sinh : 30/08/1954
- Nơi sinh : TP. HCM Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh Quê quán : TP. HCM
- Địa chỉ thường trú : 82 Đường số 2, KP 3, Thảo Điền, Quận 2, TP. HCM
- Trình độ văn hoá : Tiến sỹ
- Trình độ chuyên môn : Tiến sỹ Cơ khí - Khai thác hàng hải
- Chức vụ công tác hiện nay : Chủ tịch HĐQT
- Số lượng cổ phần nắm giữ (25/02/2011): 135.116 cổ phần (2,4% Vốn điều lệ).
- Những người có liên quan:
  - + Vợ: Nguyễn Thị Huệ Số cổ phần nắm giữ: 41.132 cổ phần

**b. Ông Phùng Văn Quang – Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị**

- Họ và tên : **PHÙNG VĂN QUANG**
- Giới tính : Nam Ngày tháng năm sinh : 19/01/1952
- Nơi sinh : Hải Phòng Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh Quê quán : Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú : 32 Hoàng Văn Thụ, TP. Hải Phòng
- Trình độ văn hoá : Đại học
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kinh tế vận tải biển

- Chức vụ công tác hiện nay : Phó chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc Công ty liên doanh khai thác Container Việt Nam (Vinabridge).
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 109.241 cổ phần (1,95 % Vốn điều lệ).
- Những người có liên quan:
  - + Vợ: Phạm Thị Liên Số cổ phần nắm giữ: 62.141 cổ phần
  - + Con gái: Phùng Thị Thu Huyền Số cổ phần nắm giữ: 31.990 cổ phần
  - + Con trai: Phùng Tuấn Anh Số cổ phần nắm giữ: 28.875 cổ phần

**c. Ông Nguyễn Thành Chương - Thành viên HĐQT - Giám đốc Công ty**

- Họ và tên : **NGUYỄN THÀNH CHƯƠNG**
- Giới tính : Nam Ngày tháng năm sinh : 12/12/1977
- Nơi sinh : Bình Định Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh Quê quán : Bình Định
- Địa chỉ thường trú : 485/7/43B Quang Trung, P. 10, Gò Vấp, TP. HCM
- Trình độ văn hoá : Thạc sỹ
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Hệ thống thông tin
- Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Tiếp vận DongBu Hải Minh
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 98.125 cổ phần (1,75 % Vốn điều lệ).
- Những người có liên quan:
  - + Anh ruột: Nguyễn Thành Văn Số cổ phần nắm giữ: 3.000 cổ phần

**d. Ông Nguyễn Văn Hà – Thành viên Hội đồng Quản trị**

- Họ và tên : **NGUYỄN VĂN HÀ**
- Giới tính : Nam Ngày tháng năm sinh : 14/10/1967
- Nơi sinh : Thanh Hóa Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh Quê quán : Quảng Trị
- Địa chỉ thường trú : 28/3 Huỳnh Văn Bánh, P. 25, Q. Phú Nhuận, TP. HCM
- Trình độ văn hoá : Đại học
- Trình độ chuyên môn : Kỹ Sư Kinh Tế Vận Tải Biển

- Chức vụ chuyên môn : Cử nhân Khoa Học
- Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Giám đốc Công ty liên doanh khai thác Container Việt Nam (Vinabridge)
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 116.406 cổ phần (2,07% Vốn điều lệ).
- Những người có liên quan:
  - + Vợ: Nguyễn Mai Trinh Số cổ phần nắm giữ: 26.562 cổ phần
  - + Em: Nguyễn Thị Minh Hậu Số cổ phần nắm giữ: 25.937 cổ phần
  - + Em Nguyễn Thị Minh Hương Số cổ phần nắm giữ: 13.710 cổ phần

***f. Bà Nguyễn Mỹ Hải – Thành viên Hội đồng Quản trị***

- Họ và tên : NGUYỄN MỸ HẢI
- Giới tính : Nữ Ngày tháng năm sinh : 12/09/1954
- Nơi sinh : Hải Phòng Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh Quê quán : Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú : 1B/72 Nguyễn Công Trứ, Hàng Kênh, Lê Chân, Hải Phòng
- Trình độ văn hoá : Đại học
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Kinh tế vận tải biển

- Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc Chi nhánh Công ty tiếp vận Hoàng Nam tại Hải Phòng
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 130.116 cổ phần (2,3 % Vốn điều lệ).
- Những người có liên quan:
  - + Con: Châu Quang Khánh Số cổ phần nắm giữ: 9.000 cổ phần
  - + Con: Châu Mỹ Linh Số cổ phần nắm giữ: 64.041 cổ phần
  - + Em: Nguyễn Hữu Xương Số cổ phần nắm giữ: 34.991 cổ phần

**g. Ông Nguyễn Thế Quân -Trưởng Ban kiểm soát**

- Họ và tên : **NGUYỄN THẾ QUÂN**
- Giới tính : Nam Ngày tháng năm sinh : 26/8/1970
- Nơi sinh : Hải Dương Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh Quê quán : Hải Dương
- Địa chỉ thường trú : 570 Bis Bùi Đình Túy, P. 12, Q Bình Thạnh, TP. HCM
- Trình độ văn hoá : Đại học
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Kinh tế vận tải biển
- Chức vụ công tác hiện nay : Trưởng Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng chi nhánh Công ty liên doanh khai thác Container Việt Nam (Vinabridge)
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 104.406 cổ phần (1,86% Vốn điều lệ).
- Những người có liên quan:
  - + Mẹ: Phạm Thị Ngọc Vân Số cổ phần nắm giữ: 10.781 cổ phần
  - + Vợ: Đinh Kim Quy Số cổ phần nắm giữ: 22.876 cổ phần

**h. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy – Thành viên Ban kiểm soát**

- Họ và tên : **NGUYỄN THỊ THANH THỦY**
- Giới tính : Nữ Ngày tháng năm sinh : 23/04/1975
- Nơi sinh : Thanh Hóa Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh Quê quán : Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú : 263/11 Nguyễn Văn Đậu, P. 11, Q. Bình Thạnh, TP. HCM
- Trình độ văn hoá : Đại học

- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính Kế toán
- Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng phòng Kế toán Công ty liên doanh khai thác Container Việt Nam (Vinabridge) - Chi nhánh TP. HCM
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 116.281 cổ phần (2,07% Vốn điều lệ)..
- Những người có liên quan:
  - + Em: Nguyễn Hoàng Thắng Số cổ phần nắm giữ: 51 cổ phần

***i. Ông Triệu Đình Trung – Thành viên Ban kiểm soát***

- Họ và tên : **TRIỆU ĐÌNH TRUNG**
- Giới tính : Nam Ngày tháng năm sinh : 06/01/1974
- Nơi sinh : Vĩnh Phú Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh Quê quán : Hải Hưng
- Địa chỉ thường trú : 37A/174 Phố Đội Cấn, Quận Ba Đình, Hà Nội
- Trình độ văn hoá : Đại học
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Thương mại và Marketing
- Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty TNHH “K” Line (Vietnam).
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 55.702 cổ phần (0,99% Vốn điều lệ).
- Những người có liên quan:
  - + Em: Triệu Thanh Hải Số cổ phần nắm giữ: 1.400 cổ phần

**8.2 Thù lao Hội đồng quản trị, BKS và Ban Giám đốc:**

Chỉ tiêu	Năm 2010 (VNĐ)	Năm 2009 (VNĐ)
Thù lao HĐQT, BKS	585.000.000	610.000.000
Lương Ban Giám đốc	380.748.000	326.000.000



### 8.3 Các dữ liệu về cổ đông góp vốn:

#### Tổng hợp thông tin cổ đông công ty tại ngày chốt danh sách 25/02/2011

Danh mục	Cổ đông trong nước	Tỷ lệ	Cổ đông nước ngoài	Tỷ lệ	Tổng cộng	Tỷ lệ
Cổ đông cá nhân	4,905,120	90.39%	1,000	0.02%	4,906,120	90.40%
Từ 5% trở lên	-	-	-	-	-	-
Dưới 5%	4,905,120	90.39%	1,000	0.02%	4,906,120	90.40%
Cổ đông pháp nhân	343,170	6.32%	177,590	3.27%	520,760	9.60%
Từ 5% trở lên	-	-	-	-	-	-
Dưới 5%	343,170	6.32%	177,590	3.27%	520,760	9.60%
Tổng cộng	5,248,290	96.71%	178,590	3.29%	5,426,880	100.00%

Ghi chú: Số lượng cổ phiếu quỹ đến 25/02/2011: 189.500 cổ phiếu.

#### 8.4 Thông tin sở hữu cổ đông lớn: Không có

#### 8.5 Thông tin giao dịch của HDQT, BKS, cổ đông liên quan: Không có

Công ty Cổ phần Hải Minh



Nguyễn Thành Chương